TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-PT
Ngày: 28-6-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung.

Ông Trịnh Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Tính, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1955; địa chỉ: Khóm L, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị C: Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1978; địa chỉ: Khóm L, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (theo giấy ủy quyền ngày 01/11/2018, có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng G, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đào Kim P, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

3. Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1937; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

4. Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

5. Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng D: Ông Lê Hoàng G, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (theo giấy ủy quyền ngày 28/11/2019, có mặt)

6. Bà Trần Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

7. Bà Trương Thị M, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

8. Ông Lê Hữu P, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

9. Bà Lê Thị C, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

10. Ông Trần Văn T, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

11. Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1978; địa chỉ: Khóm L, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

12. Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm L, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

13. Bà Lê Thị S, sinh năm 1982; địa chỉ: Khóm L, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

14. Bà Lê Thị S1, sinh năm 1983; địa chỉ: Khóm L, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

15. Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1984; địa chỉ: Khóm L, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, ông Lê Hoàng A: Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1978; địa chỉ: Khóm L, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (theo giấy ủy quyền ngày 01/11/2018, có mặt)

16. Ông Lê Hoàng K1, sinh năm 1938; địa chỉ: Ấp L, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

17. Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

18. Bà Lê Thị My N, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

19. Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

20. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

21. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

22. Ông Trần Văn U, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

23. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1941; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

24. Bà Lê Thị N, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

25. Ông Lê Văn N; địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

26. Bà Lê Thị S2; địa chỉ: Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau, ấp C, xã K huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật của bà Lê Thị S2: Bà Lê Thị N, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

27. Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư Dự án Tuyến đường dây 220kv đấu nối từ Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh kết hợp nông nghiệp công nghệ cao; địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

28. Công ty cổ phần điện mặt trời T; địa chỉ: PG2-03, VINCOM SHPHOUSE, đường P, khóm 3, phường 2, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị C là nguyên đơn; ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S và bà Lê Thị S1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hoàng K là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị C trình bày: Năm 1973 bà Phạm Thị C kết hôn với ông Lê Hoàng Đ (chết năm 1990) và về sống chung với cha mẹ chồng là ông Lê Hoàng H (chết năm 1992) bà Trần Thị O (chết năm 2004) tại ấp M, xã D, huyện H (nay là thị xã H). Trong thời gian chung sống, bà Phạm Thị C và ông Lê Hoàng Đ tự khai phá phần đất rừng có diện tích như hiện nay là 20.223,8m^2 và canh tác chung với ông Lê Hoàng H, bà Trần Thị O phần đất giồng của ông Lê Hoàng H và bà Trần Thị O có diện tích 11.250m^2 nằm trong tổng diện tích 31.569m^2 (thực đo 31.473,8m^2), thuộc thửa đất 824, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh do ông Lê Hoàng G đứng tên kê khai đăng ký năm 1996. Đối với phần đất rừng và phần đất giồng, bà Phạm Thị C và ông Lê Hoàng Đ canh tác sử dụng đất liên tục từ năm 1973 đến khi ông Lê Hoàng Đ chết năm 1990. Sau đó, bà Phạm Thị C tiếp tục sống chung với cha mẹ chồng và canh tác đất đến năm 1992 thì ông Lê Hoàng H chết. Lúc này, ông Lê Hoàng T (là anh ruột ông Lê Hoàng Đ) có ý định chiếm đất nên tìm cách đuổi bà Phạm Thị C và các con của bà đi nơi khác. Đến năm 1995, bà Phạm Thị C đưa các con của bà về sinh sống tại khóm 3, thị trấn H, huyện H (nay là khóm L, phường 1, thị xã H). Theo đơn khởi kiện, bà Phạm Thị C yêu cầu ông Lê Hoàng G trả lại diện tích đất 31.569m^2; nay bà Phạm Thị C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Lê Hoàng G trả lại cho bà phần đất rừng có diện tích đất 20.223,8m^2 trong tổng diện tích đo đạc thực tế là 31.473,8m^2, thuộc thửa đất 824, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh hiện do ông Lê Hoàng G đứng tên kê khai đăng ký.

Bị đơn ông Lê Hoàng G trình bày: Thửa đất số 824, tờ bản đồ số 5, diện tích 31.569m^2, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh hiện do ông đứng tên kê khai đăng ký, đất có nguồn gốc một phần là của ông bà nội của ông là ông Lê Hoàng H (chết năm 1987) và bà Trần Thị O (chết năm 2004). Chú Út và thím Út của ông là ông Lê Hoàng Đ và bà Phạm Thị C trước đây sống chung với ông bà nội của ông nên có canh tác một phần thửa đất này; vào năm 1987 thì ông Lê Hoàng Đ và ông nội của ông chết, bà Phạm Thị C kêu chuyển nhượng phần đất của ông bà nội nên cha ông là ông Lê Hoàng T đã đứng ra mua lại phần đất của ông bà nội của ông với giá 100.000 đồng vào năm 1992 và trực tiếp nuôi bà nội của ông. Sau đó, cha ông để lại cho ông thửa đất này, ông canh tác và kê khai đăng ký thửa đất này vào thời gian năm 1995 - 1996, bà nội ông biết việc ông kê khai, đăng ký nhưng không có ý kiến gì, đến nay phần đất này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại thửa đất 824 ông đã chia cho ông Lê Hoàng D và ông Lê Hoàng V sử dụng một phần. Trong thửa đất 824 chỉ có một phần đất giồng là của ông bà nội của ông còn lại một phần đất rừng phía sau nhà không phải do ông Lê Hoàng Đ và bà Phạm Thị C khai phá mà là đất của ông Nguyễn Văn K để lại sau khi ông Nguyễn Văn K bắn chết ông Lê Hoàng Đ vào năm 1987 và một phần do ông khai phá nới rộng ra. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ông đồng ý chia cho anh em của ông Lê

Hoàng K 1/4 của phần đất giồng còn lại là 5.618m^2; đối với phần đất rừng thì ông không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C vì không phải là đất của bà Phạm Thị C; ông đồng ý trả cho bà Phạm Thị C, ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 số tiền là 200.000.000 đồng, còn toàn bộ thửa đất 824 là của ông và anh em của ông sẽ tự phân chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 do ông Lê Hoàng K làm đại diện trình bày: Ông bà nội của ông là ông Lê Hoàng H (chết năm 1992) và bà Trần Thị O (chết năm 2004) có những người con gồm ông Lê Hoàng T, ông Lê Hoàng K1, ông Lê Hoàng S1 (Liệt sĩ), ông Lê Hoàng E (chết năm 2018), ông Lê Hoàng Đ (chết năm 1990). Cha mẹ ông là ông Lê Hoàng Đ và bà Phạm Thị C có 05 người con gồm ông, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1. Trước đây, ông bà nội của ông có một phần đất giồng mà ông nội của ông kê khai năm 1983 diện tích 11.250m^2; ông bà nội của ông hiện nay đã chết nhưng không có di chúc phần đất này, cha ông là con nên cũng được hưởng một phần đất của ông bà nội, nhưng vì cha ông đã chết nên ông và các em của ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông và các em của ông được hưởng một phần di sản thừa kế của ông bà nội với diện tích 2.812,5m^2 trong tổng diện tích di sản thừa kế là 11.250m^2 trong tổng diện tích đo đạc thực tế 31.473,8m^2, thuộc thửa đất 824, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh hiện do ông Lê Hoàng G đứng tên kê khai đăng ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng T trình bày: Năm 1972, em của ông là ông Lê Hoàng Đ lấy vợ là bà Phạm Thị C ở chung với cha mẹ ông là ông Lê Hoàng H và bà Trần Thị O tại ấp M, xã D có canh tác, sử dụng chung phần đất của cha mẹ ông nhưng không xác định được diện tích cụ thể. Tháng 7/1987, do mâu thuẫn đất đai nên ông Nguyễn Văn K đã bắn chết ông Lê Hoàng Đ; tháng 12/1987, cha ông cũng bệnh chết, bà Phạm Thị C là con dâu Út tiếp tục ở với mẹ ông đến năm 1992 thì không ở nữa; khi bà Phạm Thị C đi thì mẹ ông có chia cho bà Phạm Thị C một số tài sản là vật dụng trong gia đình, còn phần đất giồng của cha mẹ ông thì bà Phạm Thị C kêu chuyển nhượng với giá 100.000 đồng, do đất này là đất của thân tộc nên ông đã bỏ ra 100.000 đồng để mua lại phần đất này, có làm giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn Theo là chính quyền ấp lúc bấy giờ. Phần đất ông chuyển nhượng ông cho lại con của ông là ông Lê Hoàng G, ông Lê Hoàng G đang đứng tên kê khai đăng ký. Việc bà Phạm Thị C khởi kiện đòi lại thửa đất 824 thì ông không đồng ý; đối với yêu cầu chia thừa kế của các con bà Phạm Thị C thì ông không có ý kiến gì mà do con ông là ông Lê Hoàng G toàn quyền quyết định; ông không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án, phần thừa kế ông được hưởng sẽ giao lại cho con là ông Lê Hoàng G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng D, ông Lê Hoàng V, bà Trương Thị M, bà Đào Kim P, bà Trần Thị T, bà Lê Thị Yến N, ông Lê Hữu P trình bày: Thống nhất theo ý kiến của ông Lê Hoàng G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn T2, ông Trần Văn U trình bày: Thống nhất ranh đất và kết quả đo đạc đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã H, các ông bà không tranh chấp gì. Riêng ông Trần Văn T còn trình bày thêm về nguồn gốc phần đất rừng thuộc thửa 824 là có một phần đất của ông Nguyễn Văn K trước đây canh tác có đắp bờ đất bao chu vi, do mâu thuẫn đất đai nên ông Nguyễn Văn K bắn chết ông Lê Hoàng Đ và bỏ lại đất cho đến nay, phần đất rừng của ông Nguyễn Văn K từ trước không có đưa vào tập đoàn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, ông Lê Thanh Đ, bà Lê Thị Mỵ N trình bày: Thống nhất ranh đất và kết quả đo đạc đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã H, các ông bà không tranh chấp gì. Riêng bà Lê Thị C còn trình bày thêm về nguồn gốc phần đất rừng thuộc thửa 824 là có một phần đất của ông Nguyễn Văn K trước đây, sau khi ông Nguyễn Văn K bắn chết ông Lê Hoàng Đ thì bỏ lại đất cho đến nay, phần đất rừng của ông Nguyễn Văn K từ trước không có đưa vào tập đoàn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày: Trước đây ông Lê Hoàng H và bà Trần Thị O có một phần đất giồng diện tích bao nhiêu thì ông không rõ. Ông có phần đất rừng lá cách đất giồng của ông Lê Hoàng H và bà Trần Thị O một khoảng đất trống ngang 20-30m gọi là đất biển. Phần đất rừng của ông có đắp bờ chu vi, trên phần đất rừng của ông có chia làm hai phần gồm đất lá và đất trống (đất rừng), giữa hai phần đất này ông có đào một cái mương, ông Lê Hoàng Đ cũng có đào một cái mương nên ông có làm đơn thưa đòi lại đất, Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã D) đã giải quyết buộc ông Lê Hoàng Đ trả lại đất cho ông và ông có trách nhiệm trả cho gia đình ông Lê Hoàng Đ tiền công đào ao là 1.000 đồng, ông đã trả tiền cho bà Trần Thị O xong; khoảng 02 năm sau, ông Lê Hoàng Đ xuống đắp chặn đầu mương phần tiếp giáp giữa đất lá và phần đất trống, sau đó ông đã bắn chết ông Lê Hoàng Đ, từ đó ông bỏ phần đất rừng này luôn. Ông khẳng định ông Lê Hoàng H, bà Trần Thị O, ông Lê Hoàng Đ, bà Phạm Thị C không có khai phá gì đối với phần đất rừng phía sau đất giồng của gia đình ông Lê Hoàng H, phần đất rừng của ông cũng không có đưa vào tập đoàn và ông không có yêu cầu gì đối với phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày: Bà và ông Lê Hoàng E có kết hôn ngày 02/5/2018, không có con chung, ông Lê Hoàng E có hai con riêng là ông Lê Văn N (44 tuổi) và bà Lê Thị S2 (39 tuổi), bà Lê Thị S2 bị bệnh tâm thần, còn ông Lê Văn N thì đi biển không ổn định chỗ ở và không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu; đối với phần đất tranh chấp thửa 824, tờ bản đồ số 5 thì bà không có yêu cầu gì.

Công ty cổ phần Điện Mặt trời T có văn bản trình bày: Công ty có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông Lê Hoàng G khoảng 100m^2 đất với giá là 1.000.000 đồng/m^2 để làm móng trụ; toàn bộ tiền chuyển nhượng đất và các khoản chi hỗ trợ có liên quan thì Công ty đã chi trả cho ông Lê Hoàng G và ông Lê Hoàng V xong.

Công ty đã chuyển cho Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư Dự án Tuyến đường dây 220kv đấu nối từ Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh kết hợp nông nghiệp công nghệ cao số tiền 12.940.344 đồng để chi trả tiền bồi hoàn cho ông Lê Hoàng G.

Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư Dự án Tuyến đường dây 220kV đấu nối từ Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh kết hợp nông nghiệp công nghệ cao có văn bản trình bày: Hội đồng đã chi trả xong cho ông Lê Hoàng G số tiền 12.940.344 đồng, các khoản tiền khác do Công ty Điện mặt trời T trực tiếp chi trả.

Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh có văn bản trình bày: Tại thời điểm tiến hành đo đạc thành lập bản đồ địa chính năm 1996 thì ông Lê Hoàng G là người trực tiếp canh tác đất thửa 824, tờ bản đồ số 5, diện tích 31.569m^2 nên được kê khai trên hồ sơ địa chính; nếu không thuộc trường hợp có tranh chấp, bị kê biên thi hành án thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đủ điều kiện theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Căn cứ vào hồ sơ địa chính được lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H không thể hiện việc cập nhật, chỉnh lý biến động do thay đổi tư liệu địa chính qua các thời kỳ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 649, 653, 655 Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 611, 613, 618, 620, 623, 650, 651, 652 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 20, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; các Điều 12, 27, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C.

Buộc ông Lê Hoàng G phải trả cho bà Phạm Thị C số tiền giá trị đất là 113.040.000 đồng, tương ứng với phần diện tích ông Lê Hoàng G phải trả cho bà Phạm Thị C là 2.193,62m^2 thuộc thửa 824, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về yêu cầu hộ ông Lê Hoàng G giao trả diện tích đất là 11.345,2m^2 thuộc thửa 824, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 về chia thừa kế.

Buộc ông Lê Hoàng G trả cho ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 số tiền giá trị đất mà ông Lê Hoàng K, ông Lê

Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 được hưởng thừa kế là 86.960.000 đồng.

4. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hoàng G diện tích đo đạc thực tế còn lại là 31.370,8m^2 thuộc thửa 824, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

Ông Lê Hoàng G được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông Lê Hoàng G được Tòa án công nhận là 31.371,5m^2. (theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 336/CN-TXDH ngày 31/7/2019 và Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 142/CN-TXDH ngày 10/3/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã H, tỉnh Trà Vinh)

Bà Lê Thị N, ông Lê Văn N, người đại diện cho bà Lê Thị S2 có quyền yêu cầu ông Lê Hoàng G hoàn trả lại giá trị phần di sản thừa kế mà bà Lê Thị N, ông Lê Văn N, bà Lê Thị S2 được hưởng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2020, bà Phạm Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Lê Hoàng G trả lại cho bà phần đất diện tích 20.319m^2, thửa 824, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 23/11/2020, ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S và bà Lê Thị S1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, xác định công sức đóng góp của ông Lê Hoàng G là 12.000.000 đồng trên tổng diện tích 31.569m^2 chứ không phải là 40% như án sơ thẩm, yêu cầu xác định lại giá đất là 1.000.000 đồng/m^2.

Ngày 30/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể ông Lê Hoàng G có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị C số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), ông Lê Hoàng G được quyền sử dụng thửa đất 824.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự

nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh rút lại toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Phạm Thị C, ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh còn trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể: Ông Lê Hoàng G có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị C số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) do ông Lê Hoàng K đại diện nhận và tự phân chia giữa bà Phạm Thị C với các con của bà Phạm Thị C (gồm ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1), ông Lê Hoàng G được quyền sử dụng thửa đất 824 và tự thỏa thuận phân chia với các anh em ông Lê Hoàng G, các đương sự không có tranh chấp; về án phí các đương sự thỏa thuận bà Phạm Thị C, ông Lê Hoàng G mỗi bên chịu 50% bằng số tiền 10.000.000 đồng, do bà Phạm Thị C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí, đối với số tiền 10.000.000 đồng ông Lê Hoàng G phải chịu thì ông Lê Hoàng K và ông Lê Hoàng G thỏa thuận ông Lê Hoàng K chịu 5.000.000 đồng, ông Lê Hoàng G chịu 5.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Đối với các đồng thừa kế của ông Lê Hoàng E không có tranh chấp gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh rút lại toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh được Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

[4] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Phạm Thị C với bị đơn ông Lê Hoàng G.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Buộc ông Lê Hoàng G phải trả cho bà Phạm Thị C số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) do ông Lê Hoàng K là đại diện nhận và tự phân chia giữa bà Phạm Thị C với các con của bà Phạm Thị C (gồm ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Giao cho ông Lê Hoàng G được quyền sử dụng diện tích đất 31.370,8m^2, thuộc thửa 824, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã D, thị xã H, tỉnh Trà Vinh. (theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 336/CN-TXDH ngày 31/7/2019 và Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 142/CN-TXDH ngày 10/3/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã H, tỉnh Trà Vinh)

Ông Lê Hoàng G được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông Lê Hoàng G được công nhận theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

4. Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Lê Hoàng G phải chịu 3.018.539 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá; ông Lê Hoàng G đã nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng nên ông Lê Hoàng G phải nộp tiếp số tiền 1.018.539 đồng. Ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 phải chịu 3.018.539 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá; ông Lê Hoàng K đã nộp tạm ứng số tiền 500.000 đồng nên ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 phải nộp tiếp số tiền 2.518.539 đồng.Bà Phạm Thị C phải chịu 3.018.539 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá; bà Phạm Thị C đã nộp tạm ứng số tiền 7.700.000 đồng (4.700.00 đồng + 3.000.000 đồng) nên bà Phạm Thị C được nhận lại số tiền 1.144.338 đồng còn thừa tại Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Trà Vinh, còn lại số tiền 3.537.123 đồng khi Cơ quan thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh

Trà Vinh thu của ông Lê Hoàng G, ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 sẽ hoàn trả lại cho bà Phạm Thị C.

4. Về án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm cho bà Phạm Thị C, hoàn trả cho bà Phạm Thị C 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007168 ngày 03/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả cho ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 2.812.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002187 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Ông Lê Hoàng G phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Lê Hoàng K phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị C được miễn án phí phúc thẩm. Ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng S, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng ông Lê Hoàng K được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001855, ông Lê Hoàng S được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001856, bà Lê Thị S được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001857, bà Lê Thị S1 được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001858, ông Lê Hoàng A được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001859 cùng ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã H;
- VKSND thị xã H;
- CC THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tống Văn Viên